

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CON CUÔNG  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 - 2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Hồng Lợi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Cao Khắc Hùng;

2. Ông Nguyễn Thanh Yên;

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông – tỉnh Nghệ An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L - Sinh năm 1977. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vi Văn O - Sinh năm 1971. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn 2/9, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 24/02/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về tình cảm: Giữa chị và bị đơn anh Vi Văn O kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 02 năm 2013 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều

kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do quan điểm, tính cách không phù hợp, anh O không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, vì vậy mà từ cuối năm 2016 cho đến nay vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Vi Văn O.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh Vi Văn O thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Vi Văn O vắng mặt mặc dầu Tòa án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, vì vậy Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Vi Văn O; về con chung: không có; về tài sản: chị Phạm Thị L và anh Vi Văn O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; về án phí: chị Phạm Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn: bị đơn anh Vi Văn O hiện cư trú tại thôn 2/9, xã B, huyện C, tỉnh nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Vi Văn O đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh O theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét chị Phạm Thị L và anh Vi Văn O đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 02 năm 2013 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân giữa chị L và anh O là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn theo chị L nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm, tính cách không phù hợp, anh O không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình. Từ cuối 2016 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, chị L và anh O đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa anh O vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương cho thấy giữa vợ chồng chị L và anh O thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do O không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình vì vậy mà hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau nữa.

Xét thấy, giữa chị L và anh O mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Vi Văn O.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị L không có con chung nên miễn xét.

Về tài sản chung: Do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Vi Văn O.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0001528 ngày 26 tháng 02 năm 2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. Con Cuông;
- Chi cục THADS H. Con Cuông;
- UBND xã B;
- Lưu Hồ sơ, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Phan Hồng Lợi**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Hồng Lợi**

